

Số: **4884/QĐ-UBND**

Hà Nội, ngày ~~07~~ **12** tháng **12** năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Công bố danh mục báo cáo định kỳ trong các lĩnh vực thuộc phạm vi
quản lý của Ủy ban nhân dân Thành phố**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 09/2019/NĐ-CP ngày 24/01/2019 của Chính phủ quy định về chế độ báo cáo của cơ quan hành chính nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 19/2022/QĐ-UBND ngày 25 tháng 4 năm 2022 của UBND thành phố Hà Nội quy định chế độ báo cáo định kỳ trên địa bàn thành phố Hà Nội;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục chế độ báo cáo định kỳ trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội (chi tiết tại phụ lục kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành Thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thị xã; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn; các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Cục Kiểm soát Thủ tục hành chính - VPCP;
- Chủ tịch, các PCT UBND TP;
- VP UBND TP: CVP/PCVP UBND TP;
- các phòng chuyên môn;
- Trung tâm báo chí Thủ đô;
- Lưu: VT, KSTTHC.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Hồng Sơn

Phụ lục 1
DANH MỤC BÁO CÁO ĐỊNH KỲ THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN
LÝ NHÀ NƯỚC CỦA UBND THÀNH PHỐ

(Kèm theo Quyết định số: ~~4884~~/QĐ-UBND ngày ~~07~~ tháng ~~12~~ năm 2022 của UBND
 Thành phố công bố danh mục báo cáo định kỳ trong các lĩnh vực thuộc phạm vi
 quản lý của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội)

Phần I:

DANH MỤC BÁO CÁO ĐỊNH KỲ

STT	Tên Báo cáo	Văn bản quy định chế độ báo cáo
I	BÁO CÁO GIỮA CÁC CƠ QUAN HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC	
	Lĩnh vực Tổng hợp	
1	Báo cáo tình hình, kết quả thực hiện chương trình công tác của UBND Thành phố, Chủ tịch UBND Thành phố.	Điều 24 Quy chế ban hành kèm theo Quyết định số 16/2021/QĐ-UBND ngày 15/9/2021 của UBND Thành phố về việc ban hành Quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội.
	Lĩnh vực Nội chính	
1	Báo cáo kết quả thực hiện quy chế tiếp nhận, xử lý, phát hành và quản lý văn bản điện tử giữa các cơ quan, tổ chức thuộc thành phố Hà Nội.	Khoản 9 Điều 29 Quyết định số 12/2020/QĐ-UBND ngày 12/6/2020 của UBND Thành phố về việc ban hành Quy chế tiếp nhận, xử lý, phát hành và quản lý văn bản điện tử giữa các cơ quan, tổ chức thuộc thành phố Hà Nội.
	Lĩnh vực An ninh	
1	Báo cáo kết quả thực hiện quy chế phối hợp giữa các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện trong công tác quản lý người nước ngoài cư trú, hoạt động trên địa bàn.	Điều 13 quy định ban hành kèm theo Quyết định 18/2017/QĐ-UBND ngày 11/5/2017 của UBND Thành phố về việc ban hành Quy chế phối hợp giữa các sở, ban, ngành Thành phố, UBND các quận, huyện, thị xã trong công tác quản lý người nước ngoài cư trú, hoạt động trên địa bàn thành phố Hà Nội.
2	Báo cáo về công tác bảo vệ bí mật nhà nước.	Điều 1 Khoản 22 Quyết định số 18/2022/QĐ-UBND ngày 25/4/2022 của UBND Thành phố ban hành quy chế bảo vệ bí mật nhà nước trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc thành phố Hà Nội.

	Lĩnh vực Kế hoạch và Đầu tư	
1	Báo cáo việc thực hiện quy chế phối hợp giữa các cơ quan trong quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hợp tác xã, liên minh hợp tác xã.	Điều 17, 18 quy chế ban hành kèm theo Quyết định số 09/2017/QĐ-UBND ngày 23/3/2017 của UBND Thành phố về việc ban hành Quy chế phối hợp giữa các cơ quan chức năng trong quản lý Nhà nước đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã sau đăng ký thành lập trên địa bàn thành phố Hà Nội.
	Lĩnh vực Tài chính	
1	Báo cáo kết quả tiếp nhận, phân bổ, sử dụng các khoản ủng hộ, đóng góp tự nguyện theo quy định tại Quyết định số 26/2015/QĐ-UBND về ban hành Quy định về quy trình tổ chức tiếp nhận, quản lý và sử dụng các khoản huy động đóng góp tự nguyện của tổ chức, cá nhân vào việc xây dựng công trình văn hóa, công viên, vườn hoa, khu vui chơi giải trí không có khả năng kinh doanh và bảo tồn, tôn tạo phát huy giá trị văn hóa trên địa bàn thành phố Hà Nội.	Khoản 1, Khoản 2 Điều 10 quy định ban hành kèm theo Quyết định số 26/2015/QĐ-UBND ngày 14/9/2015 của UBND Thành phố về ban hành Quy định về quy trình tổ chức tiếp nhận, quản lý và sử dụng các khoản huy động đóng góp tự nguyện của tổ chức, cá nhân vào việc xây dựng công trình văn hóa, công viên, vườn hoa, khu vui chơi giải trí không có khả năng kinh doanh và bảo tồn, tôn tạo phát huy giá trị văn hóa trên địa bàn thành phố Hà Nội.
2	Báo cáo tình hình triển khai thực hiện cung cấp sản phẩm, dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước.	Điều 29 quy định ban hành kèm theo Quyết định số 31/2020/QĐ-UBND ngày 30/11/2020 của UBND Thành phố về ban hành quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên của thành phố Hà Nội.
3	Báo cáo tình hình quản lý, sử dụng ngân sách Thành phố ủy thác.	Khoản 1 Điều 12 ban hành kèm theo Quyết định 26/2017/QĐ-UBND ngày 4/8/2017 của UBND Thành phố về việc ban hành Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách Thành phố ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn thành phố Hà Nội.

4	Báo cáo tình hình ủy thác vốn ngân sách và kết quả thực hiện cho vay từ nguồn ngân sách ủy thác.	Khoản 2, 3 Điều 12 quy định ban hành kèm theo Quyết định 26/2017/QĐ-UBND ngày 4/8/2017 của UBND Thành phố ban hành Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách Thành phố ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn thành phố Hà Nội.
5	Báo cáo số lãi được.	Khoản 1 Điều 12 ban hành kèm theo Quyết định 26/2017/QĐ-UBND ngày 4/8/2017 của UBND Thành phố về việc ban hành Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách Thành phố ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn thành phố Hà Nội.
Lĩnh vực Công Thương		
1	Báo cáo hoạt động phát triển công nghiệp hỗ trợ trên địa bàn Thành phố.	Điểm e khoản 1 Điều 16 quy định ban hành kèm theo Quyết định 11/2020/QĐ-UBND ngày 5/6/2020 của UBND Thành phố về việc ban hành Quy chế quản lý kinh phí phát triển công nghiệp hỗ trợ và quy định mức chi cụ thể các hoạt động phát triển công nghiệp hỗ trợ của thành phố Hà Nội.
2	Báo cáo công tác quản lý hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp.	Quyết định 27/2019/QĐ-UBND ngày 16/12/2019 của UBND Thành phố về việc ban hành Quy chế phối hợp quản lý hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp trên địa bàn thành phố Hà Nội.
3	Báo cáo hoạt động khuyến công.	Khoản 1, Khoản 4 Điều 9 quy chế ban hành kèm theo Quyết định 21/2019 ngày 21/10/2019 của UBND Thành phố về việc ban hành Quy chế quản lý kinh phí khuyến công và mức chi cho các hoạt động khuyến công thành phố Hà Nội.
4	Báo cáo kết quả thực hiện quy định về phát triển và quản lý chợ trên địa bàn.	Khoản 4 Điều 32, Điều 33 ban hành kèm theo Quyết định 28/2018/QĐ-

		UBND ngày 16/11/2018 của UBND Thành phố ban hành Quy định về phát triển và quản lý chợ trên địa bàn thành phố Hà Nội.
5	Báo cáo tình hình triển khai và công tác phối hợp quản lý Văn phòng đại diện, chi nhánh thương nhân nước ngoài hoạt động trong thương mại và thương mại đặc thù.	Điều 6 quy định ban hành kèm theo Quyết định 25/2017/QĐ-UBND ngày 27/7/2017 của UBND Thành phố về việc ban hành Quy chế phối hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước của thành phố Hà Nội trong việc quản lý Văn phòng đại diện, Chi nhánh của thương nhân nước ngoài hoạt động trong lĩnh vực thương mại và thương mại đặc thù.
6	Báo cáo tình hình thực hiện quy định xử lý công trình xây dựng vi phạm hành lang bảo vệ an toàn lưới điện cao áp trên địa bàn Thành phố.	Khoản 1, Khoản 2 Điều 19 quy định kèm theo Quyết định 09/2022/QĐ-UBND ngày 3/3/2022 của UBND Thành phố về ban hành quy định quản lý, đảm bảo an toàn điện trên địa bàn thành phố Hà Nội.
7	Báo cáo kết quả thực hiện Quy chế phối hợp quản lý nhà nước đối với hoạt động của các khu công nghiệp, khu công nghệ cao.	Điều 8, Điều 10 Quy chế ban hành kèm theo Quyết định 32/2017/QĐ-UBND ngày 28/9/2017 của UBND Thành phố về ban hành Quy chế phối hợp quản lý Nhà nước đối với hoạt động của các khu công nghiệp trên địa bàn Hà Nội.
	Lĩnh vực Xây dựng	
1	Báo cáo số liệu, cung cấp thông tin nhà chung cư.	Khoản 13 Điều 17 quy định kèm theo Quyết định 29/2020/QĐ- UBND ngày 25/11/2020 của UBND Thành phố ban hành Quy định chi tiết một số nội dung thuộc thẩm quyền của UBND Thành phố về quản lý, sử dụng nhà chung cư trên địa bàn thành phố Hà Nội.
2	Báo cáo tình hình mua, bán, cho thuê, cho thuê mua nhà ở xã hội tại các dự án nhà ở xã hội, nhà ở xã hội do người dân tự xây dựng.	Điểm e khoản 1 Điều 14 quy định ban hành kèm theo Quyết định số 25/2019/QĐ-UBND ngày 5/11/2019 của UBND Thành phố ban hành Quy định về quản lý bán, cho thuê, cho thuê mua nhà ở xã hội trên địa bàn thành phố Hà Nội.

3	Báo cáo tình hình quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn định kỳ.	Khoản 3, Khoản 4 Điều 12 quy định ban hành kèm theo Quyết định số 04/2019/QĐ-UBND ngày 18/3/2019 của UBND Thành phố về ban hành Quy định quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn thành phố Hà Nội.
4	Báo cáo công tác quản lý nghĩa trang.	Điều 13 quy định ban hành kèm theo Quyết định 30/2017/QĐ-UBND ngày 11/9/2017 của UBND Thành phố ban hành Quy định quản lý, sử dụng nghĩa trang trên địa bàn thành phố Hà Nội.
5	Báo cáo công tác quản lý hoạt động thoát nước.	Khoản 4 Điều 22 quy định ban hành kèm theo Quyết định 41/2017/QĐ-UBND ngày 6/12/2017 của UBND Thành phố về Quy định về quản lý hoạt động thoát nước và xử lý nước thải trên địa bàn thành phố Hà Nội.
Lĩnh vực Quy hoạch - Kiến trúc		
1	Báo cáo công tác lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng; công tác quản lý, thực hiện quy chế quản lý kiến trúc và rà soát lập danh mục các công trình kiến trúc có giá trị.	Điều 23 quy định ban hành kèm theo Quyết định 72/2014/QĐ-UBND ngày 17/9/2014 của UBND Thành phố về ban hành Quy định về lập, thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ, đồ án và quản lý theo đồ án quy hoạch đô thị trên địa bàn thành phố Hà Nội.
Lĩnh vực Tài nguyên - Môi trường		
1	Báo cáo công tác đấu giá quyền sử dụng đất.	Điểm g khoản 9; điểm đ khoản 2 Điều 19 quy định ban hành kèm theo Quyết định 27/2020/QĐ-UBND ngày 18/11/2020 của UBND Thành phố ban hành Quy định về đấu giá quyền sử dụng để giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất trên địa bàn thành phố Hà Nội.
2	Báo cáo tình hình quản lý hoạt động khí tượng, thủy văn.	Điều 9 quy định ban hành kèm theo Quyết định 13/2018/QĐ-UBND ngày 24/5/2018 của UBND Thành phố về việc ban hành Quy định quản lý nhà nước về hoạt động Khí tượng thủy văn trên địa bàn thành phố Hà Nội.

3	Báo cáo số liệu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải.	Khoản 1, Khoản 2 Điều 2 Quyết định 33/2017/QĐ-UBND ngày 9/10/2017 của UBND Thành phố về phân cấp thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp trên địa bàn thành phố Hà Nội.
4	Báo cáo về hoạt động ứng phó sự cố tràn dầu.	Quyết định số 22/2017/QĐ-UBND ngày 12/6/2017 của UBND Thành phố ban hành Quy định về lập, thẩm định và phê duyệt Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu của các cảng, cơ sở, dự án trên địa bàn thành phố Hà Nội.
5	Báo cáo công tác giải phóng mặt bằng.	Khoản 9 Điều 42, Khoản 1 Điều 44 quy định ban hành kèm theo Quyết định số 10/2017/QĐ-UBND ngày 29/3/2017 của UBND Thành phố ban hành Quy định các nội dung thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hà Nội.
Lĩnh vực Nông nghiệp		
1	Báo cáo kết quả thực hiện Quy chế phối hợp trong công tác phòng ngừa, xử lý vi phạm pháp luật về đề điều trên địa bàn thành phố Hà Nội.	Khoản 3 Điều 11 Quy chế ban hành kèm theo Quyết định số 15/2020/QĐ-UBND ngày 13/8/2020 của UBND Thành phố về ban hành Quy chế phối hợp trong công tác phòng ngừa, xử lý vi phạm pháp luật về đề điều trên địa bàn thành phố Hà Nội.
2	Báo cáo tình hình vi phạm pháp luật về đề điều.	Điểm b khoản 3 Điều 7 Quy chế ban hành kèm theo Quyết định số 15/2020/QĐ-UBND ngày 13/8/2020 của UBND Thành phố ban hành Quy chế phối hợp trong công tác phòng ngừa, xử lý vi phạm pháp luật về đề điều trên địa bàn thành phố Hà Nội.
3	Báo cáo tình hình vi phạm và xử lý vi phạm pháp luật về đề điều.	Điểm c khoản 4 Điều 7 Quy chế ban hành kèm theo Quyết định số 15/2020/QĐ-UBND ngày 13/8/2020 của UBND Thành phố ban hành Quy chế phối hợp trong công tác phòng

		ngừa, xử lý vi phạm pháp luật về đề điều trên địa bàn thành phố Hà Nội.
4	Báo cáo tình hình vi phạm phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi.	Khoản 4 Điều 8; khoản 6 Điều 9 quy định ban hành kèm theo Quyết định 13/2020/QĐ-UBND ngày 24/6/2020 của UBND Thành phố về ban hành Quy định về bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn thành phố Hà Nội.
5	Báo cáo việc thực hiện phê duyệt hỗ trợ các dự án liên kết, kế hoạch đề nghị hỗ trợ phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp có phạm vi hoạt động theo chuỗi giá trị trên địa bàn 01 huyện và có tổng mức đề nghị hỗ trợ dưới 05 (năm) tỷ đồng.	Khoản 2 Điều 2 quy định ban hành kèm theo Quyết định 13/2019/QĐ-UBND ngày 14/6/2019 của UBND Thành phố về phân cấp phê duyệt hỗ trợ phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn thành phố Hà Nội.
Lĩnh vực Y tế		
1	Báo cáo công tác quản lý an toàn thực phẩm trên địa bàn Thành phố.	Điểm b Khoản 1 Điều 4, Khoản 7 Điều 5, Khoản 8 Điều 6 quy định ban hành theo Quyết định 28/2022/QĐ-UBND ngày 24/6/2022 của UBND Thành phố ban hành Quy định phân công, phân cấp quản lý về An toàn thực phẩm trên địa bàn thành phố Hà Nội.
Lĩnh vực Khoa học và công nghệ		
1	Báo cáo các sáng kiến được công nhận.	Khoản 1 Điều 16 quy định ban hành kèm theo Quyết định 19/2018/QĐ-UBND ngày 27/8/2018 của UBND Thành phố về việc ban hành Quy định xét, công nhận sáng kiến cơ sở và xét, tặng Bằng “Sáng kiến Thủ đô”.
Lĩnh vực Lao động, Thương binh và Xã hội		
1	Báo cáo tình hình thực hiện quy chế phối hợp hoạt động giữa các cơ quan trong tuyển dụng và quản lý lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam trên địa bàn Thành phố.	Khoản 7 Điều 7, Khoản 3 Điều 10, Khoản 4 Điều 12 quy định kèm theo Quyết định 22/2019/QĐ-UBND ngày 23/10/2019 của UBND Thành phố về ban hành Quy chế phối hợp hoạt động giữa các cơ quan quản lý nhà nước trong tuyển dụng và quản lý lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam trên địa bàn thành phố Hà Nội.

2	Báo cáo tình hình hoạt động quản lý nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng trên địa bàn Thành phố.	Điều 19 quy định ban hành kèm theo Quyết định số 31/2016/QĐ-UBND ngày 6/9/2016 của UBND Thành phố ban hành Quy chế quản lý hoạt động nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng thành phố Hà Nội.
	Lĩnh vực Văn hóa	
1	Báo cáo tình hình thực hiện quy chế quản lý, bảo vệ và phát huy di tích lịch sử - văn hóa và danh lam thắng cảnh.	Điều 21 quy định ban hành kèm theo Quyết định 48/2016/QĐ-UBND ngày 17/11/2016 của UBND Thành phố về việc ban hành Quy chế quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di tích lịch sử - văn hóa và danh lam thắng cảnh trên địa bàn thành phố Hà Nội.
2	Báo cáo việc thực hiện quy chế quản lý hoạt động quảng cáo ngoài trời.	Khoản 10 Điều 33, Khoản 11 Điều 17 Quy định ban hành kèm theo Quyết định 01/2016/QĐ-UBND ngày 20/01/2016 của UBND Thành phố về việc ban hành Quy chế quản lý hoạt động quảng cáo ngoài trời trên địa bàn thành phố Hà Nội.
3	Báo cáo việc thực hiện Quy chế quản lý hoạt động trong không gian đi bộ khu vực hồ Hoàn Kiếm và phụ cận.	Khoản 2 Điều 25 Quy định ban hành kèm theo Quyết định 21/2022/QĐ-UBND ngày 17/5/2022 của UBND Thành phố về việc ban hành Quy chế quản lý hoạt động trong không gian đi bộ khu vực hồ Hoàn Kiếm và phụ cận.
	Lĩnh vực Thông tin và Truyền thông	
1	Báo cáo kết quả thực hiện phát ngôn, cung cấp thông tin cho báo chí.	Điều 10 quy định ban hành kèm theo Quyết định số 21/2018/QĐ-UBND ngày 5/9/2018 của UBND Thành phố về việc ban hành Quy chế phát ngôn và cung cấp thông tin cho báo chí của các cơ quan hành chính nhà nước thành phố Hà Nội.
2	Báo cáo công tác cấp giấy phép xây dựng cột ăngten.	Khoản 4 Điều 8 quy định ban hành kèm theo Quyết định 07/2017/QĐ-UBND ngày 17/3/2017 của UBND Thành phố ban hành Quy định về quản lý, cấp phép xây dựng công trình cột ăng ten thu,

		phát sóng thông tin di động trên địa bàn thành phố Hà Nội.
3	Báo cáo công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động thông tin quảng cáo trên báo chí, phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử.	Khoản 2 Điều 6 quy định ban hành kèm theo Quyết định 06/2015/QĐ-UBND ngày 8/4/2015 của UBND Thành phố về việc ban hành Quy chế phối hợp quản lý hoạt động thông tin quảng cáo trên báo chí, phát thanh truyền hình và thông tin điện tử trên mạng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân thuộc thẩm quyền quản lý của thành phố Hà Nội.
4	Báo cáo công tác quản lý các điểm truy cập internet công cộng và điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng.	Khoản 5 Điều 9 quy định ban hành kèm theo Quyết định 73/2014/QĐ-UBND ngày 26/9/2014 của UBND Thành phố về việc ban hành Quy định quản lý điểm truy nhập Internet công cộng và điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng trên địa bàn thành phố Hà Nội.
5	Báo cáo kết quả hoạt động thông tin đối ngoại.	Điều 15, Khoản 3 Điều 28 quy định ban hành kèm theo Quyết định 16/2020/QĐ-UBND ngày 17/8/2020 của UBND Thành phố về việc ban hành Quy chế quản lý hoạt động thông tin đối ngoại của thành phố Hà Nội.
6	Báo cáo hoạt động của Trung tâm dữ liệu Nhà nước.	Khoản 5 Điều 23 quy định ban hành kèm theo Quyết định số 05/2015/QĐ-UBND ngày 25/3/2015 của UBND Thành phố về việc ban hành Quy định quản lý, khai thác sử dụng hạ tầng dùng chung và các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu phần mềm dùng chung của Thành phố đặt tại Trung tâm Dữ liệu nhà nước thành phố Hà Nội.
	Lĩnh vực Ngoại vụ	
1	Báo cáo kết quả hoạt động đối ngoại và phương hướng, nhiệm vụ kỳ kế tiếp.	Điều 18 quy định ban hành kèm theo Quy chế số 06-QC/TU ngày 11/8/2022 của Thành ủy Hà Nội về việc ban hành Quy chế lãnh đạo, chỉ đạo và quản lý thống nhất các hoạt động đối ngoại của thành phố Hà Nội.

II	BÁO CÁO CỦA CÁC TỔ CHỨC, CÁ NHÂN GỬI CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC	
	Lĩnh vực Nội chính	
1	Báo cáo kết quả thực hiện quy chế tiếp nhận, xử lý, phát hành và quản lý văn bản điện tử giữa các cơ quan, tổ chức thuộc thành phố Hà Nội.	Khoản 9 Điều 29 Quyết định số 12/2020/QĐ-UBND ngày 12/6/2020 của UBND Thành phố về việc ban hành Quy chế tiếp nhận, xử lý, phát hành và quản lý văn bản điện tử giữa các cơ quan, tổ chức thuộc thành phố Hà Nội.
	Lĩnh vực Tài nguyên - Môi trường	
1	Báo cáo tình hình quản lý hoạt động khí tượng, thủy văn.	Điều 9 quy định ban hành kèm theo Quyết định 13/2018/QĐ-UBND ngày 24/5/2018 của UBND Thành phố về việc ban hành Quy định quản lý nhà nước về hoạt động Khí tượng thủy văn trên địa bàn thành phố Hà Nội.
	Lĩnh vực Khoa học và Công nghệ	
1	Báo cáo các sáng kiến được công nhận.	Khoản 1 Điều 16 quy định ban hành kèm theo Quyết định 19/2018/QĐ-UBND ngày 27/8/2018 của UBND Thành phố về việc ban hành Quy định xét, công nhận sáng kiến cơ sở và xét, tặng Bằng “Sáng kiến Thủ đô”.
2	Báo cáo việc thực hiện hoạt động tư vấn, phản biện, giám định xã hội.	Khoản 1 Điều 9 quy định ban hành kèm theo Quyết định 25/2022/QĐ-UBND ngày 13/6/2022 của UBND Thành phố về việc ban hành Quyết định quy định hoạt động tư vấn, phản biện, giám định xã hội của Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật thành phố Hà Nội.
	Lĩnh vực Nông nghiệp	
1	Báo cáo kết quả thực hiện Quy chế phối hợp trong công tác phòng ngừa, xử lý vi phạm pháp luật về đề điều trên địa bàn thành phố Hà Nội.	Khoản 3 Điều 11 Quy chế ban hành kèm theo Quyết định số 15/2020/QĐ-UBND ngày 13/8/2020 của UBND Thành phố về ban hành Quy chế phối hợp trong công tác phòng ngừa, xử lý vi phạm pháp luật về đề điều trên địa bàn thành phố Hà Nội.

	Lĩnh vực Lao động, Thương binh và Xã hội	
1	Báo cáo tình hình hoạt động quản lý nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng trên địa bàn Thành phố.	Điều 19 quy định ban hành kèm theo Quyết định 31/2016/QĐ-UBND ngày 6/9/2016 của UBND Thành phố ban hành Quy chế quản lý hoạt động nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng thành phố Hà Nội.
	Lĩnh vực Thông tin và Truyền thông	
1	Báo cáo công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động thông tin quảng cáo trên báo chí, phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử.	Khoản 1 Điều 6 quy định ban hành kèm theo Quyết định 06/2015/QĐ-UBND ngày 8/4/2015 của UBND Thành phố về việc ban hành Quy chế phối hợp quản lý hoạt động thông tin quảng cáo trên báo chí, phát thanh truyền hình và thông tin điện tử trên mạng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân thuộc thẩm quyền quản lý của thành phố Hà Nội.

Phần II:**CHI TIẾT NỘI DUNG CHẾ ĐỘ BÁO CÁO ĐỊNH KỲ TẠI****PHẦN I. DANH MỤC BÁO CÁO ĐỊNH KỲ****PHẦN I. BÁO CÁO GIỮA CÁC CƠ QUAN HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC****I. Lĩnh vực Tổng hợp****1. Báo cáo tình hình, kết quả thực hiện chương trình công tác của UBND Thành phố, Chủ tịch UBND Thành phố**

1.1. Đối tượng thực hiện báo cáo: Giám đốc, Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND cấp huyện.

1.2. Cơ quan nhận báo cáo: UBND Thành phố (qua Văn phòng UBND Thành phố); đồng gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư và các đơn vị có liên quan.

1.3. Tần suất thực hiện báo cáo: hằng tháng/quý/6 tháng/năm.

1.4. Văn bản quy định chế độ báo cáo: Điều 24 Quy chế ban hành kèm theo Quyết định số 16/2021/QĐ-UBND ngày 15/9/2021 của UBND Thành phố về việc ban hành Quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội.

II. Lĩnh vực Nội chính**1. Báo cáo kết quả thực hiện quy chế tiếp nhận, xử lý, phát hành và quản lý văn bản điện tử giữa các cơ quan, tổ chức thuộc thành phố Hà Nội**

1.1. Đối tượng thực hiện báo cáo: Điều 2 Quyết định số 12/2020/QĐ-UBND ngày 12/6/2020 của UBND Thành phố.

1.2. Cơ quan nhận báo cáo: UBND Thành phố (qua Sở Nội vụ).

1.3. Tần suất thực hiện báo cáo: hằng năm.

1.4. Văn bản quy định chế độ báo cáo: Khoản 9 Điều 29 Quyết định số 12/2020/QĐ-UBND ngày 12/6/2020 của UBND Thành phố về việc ban hành Quy chế tiếp nhận, xử lý, phát hành và quản lý văn bản điện tử giữa các cơ quan, tổ chức thuộc thành phố Hà Nội.

III. Lĩnh vực An ninh**1. Báo cáo kết quả thực hiện quy chế phối hợp giữa các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện trong công tác quản lý người nước ngoài cư trú, hoạt động trên địa bàn**

1.1. Đối tượng thực hiện báo cáo: Các sở, ban, ngành theo quy định trong Quy chế ban hành kèm theo Quyết định số 18/2017/QĐ-UBND.

1.2. Cơ quan nhận báo cáo: UBND Thành phố (qua Công an Thành phố).

1.3. Tần suất thực hiện báo cáo: hằng năm.

1.4. Văn bản quy định chế độ báo cáo: Điều 13 quy định ban hành kèm theo Quyết định số 18/2017/QĐ-UBND ngày 11/5/2017 của UBND Thành phố về việc ban hành Quy chế phối hợp giữa các sở, ban, ngành Thành phố, UBND các quận, huyện, thị xã trong công tác quản lý người nước ngoài cư trú, hoạt động trên địa bàn thành phố Hà Nội.

2. Báo cáo về công tác bảo vệ bí mật nhà nước

2.1. Đối tượng báo cáo: người đứng đầu các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc Thành phố.

2.2. Cơ quan nhận báo cáo: UBND Thành phố (qua Công an Thành phố).

2.3. Tần suất thực hiện báo cáo: hằng năm/năm năm một lần/đợt xuất được thực hiện ngay sau khi phát hiện vụ lộ, mất bí mật nhà nước hoặc theo yêu cầu của UBND Thành phố (qua Công an Thành phố), Bộ Công An.

2.4. Văn bản quy định: Điều 1 Khoản 22 Quyết định số 18/2022/QĐ-UBND ngày 25/4/2022 của UBND Thành phố về việc ban hành quy chế bảo vệ bí mật nhà nước trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc thành phố Hà Nội.

IV. Lĩnh vực Kế hoạch và Đầu tư

1. Báo cáo việc thực hiện quy chế phối hợp giữa các cơ quan trong quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh, HTX, liên minh hợp tác xã

1.1. Đối tượng thực hiện báo cáo: Các sở, ban, ngành; UBND các quận, huyện, thị xã; Sở Kế hoạch và Đầu tư; Thanh tra Thành phố.

1.2. Cơ quan nhận báo cáo: UBND Thành phố.

1.3. Tần suất thực hiện báo cáo: hằng năm.

1.4. Văn bản quy định chế độ báo cáo: Điều 17, 18 quy chế ban hành kèm theo Quyết định số 09/2017/QĐ-UBND ngày 23/3/2017 của UBND Thành phố về việc ban hành Quy chế phối hợp giữa các cơ quan chức năng trong quản lý Nhà nước đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã sau đăng ký thành lập trên địa bàn thành phố Hà Nội.

V. Lĩnh vực Tài chính

1. Báo cáo kết quả tiếp nhận, phân bổ, sử dụng các khoản ủng hộ, đóng góp tự nguyện theo quy định tại Quyết định số 26/2015/QĐ-UBND

Nội dung 1: Báo cáo kết quả tiếp nhận, phân bổ, sử dụng các khoản ủng hộ, đóng góp (tiền, hiện vật) trên địa bàn quận, huyện, thị xã

1.1. Đối tượng thực hiện báo cáo: UBND cấp huyện.

1.2. Cơ quan nhận báo cáo: Sở Tài chính; Sở Kế hoạch và Đầu tư; các sở, ngành liên quan.

1.3. Tần suất thực hiện báo cáo: hằng quý/năm.

1.4. Văn bản quy định chế độ báo cáo: Khoản 1 Điều 10 quy định ban hành kèm theo Quyết định số 26/2015/QĐ-UBND ngày 14/9/2015 của UBND Thành phố về ban hành Quy định về quy trình tổ chức tiếp nhận, quản lý và sử dụng các khoản huy động đóng góp tự nguyện của tổ chức, cá nhân vào việc xây dựng công trình văn hóa, công viên, vườn hoa, khu vui chơi giải trí không có khả năng kinh doanh và bảo tồn, tôn tạo phát huy giá trị văn hóa trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Nội dung 2: Báo cáo kết quả tiếp nhận, phân bổ, sử dụng các khoản ủng hộ, đóng góp (tiền, hiện vật) nội dung do Sở Văn hóa Thể thao, Sở Xây dựng chủ trì

1.1. Đối tượng thực hiện báo cáo: Sở Văn hóa Thể thao; Sở Xây dựng.

1.2. Cơ quan nhận báo cáo: Sở Tài chính.

1.3. Tần suất thực hiện báo cáo: hằng quý/năm.

1.4. Văn bản quy định chế độ báo cáo: Điều 10 quy định ban hành kèm theo Quyết định số 26/2015/QĐ-UBND ngày 14/9/2015 của UBND Thành phố về ban hành Quy định về quy trình tổ chức tiếp nhận, quản lý và sử dụng các khoản huy động đóng góp tự nguyện của tổ chức, cá nhân vào việc xây dựng công trình văn hóa, công viên, vườn hoa, khu vui chơi giải trí không có khả năng kinh doanh và bảo tồn, tôn tạo phát huy giá trị văn hóa trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Nội dung 3: Báo cáo kết quả tiếp nhận, phân bổ, sử dụng các khoản ủng hộ, đóng góp (tiền, hiện vật) trên địa bàn Thành phố

1.1. Đối tượng thực hiện báo cáo: Sở Tài chính.

1.2. Cơ quan nhận báo cáo: UBND Thành phố.

1.3. Tần suất thực hiện báo cáo: hằng quý/năm.

1.4. Văn bản quy định chế độ báo cáo: Khoản 2 Điều 10 quy định ban hành kèm theo Quyết định số 26/2015/QĐ-UBND ngày 14/9/2015 của UBND Thành phố về ban hành Quy định về quy trình tổ chức tiếp nhận, quản lý và sử dụng các khoản huy động đóng góp tự nguyện của tổ chức, cá nhân vào việc xây dựng công trình văn hóa, công viên, vườn hoa, khu vui chơi giải trí không có khả năng kinh doanh và bảo tồn, tôn tạo phát huy giá trị văn hóa trên địa bàn thành phố Hà Nội.

2. Báo cáo tình hình triển khai thực hiện cung cấp sản phẩm, dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước

2.1. Đối tượng thực hiện báo cáo: cơ quan quản lý chuyên ngành; UBND cấp huyện.

2.2. Cơ quan nhận báo cáo: Sở Tài chính.

2.3. Tần suất thực hiện báo cáo: hằng năm.

2.4. Văn bản quy định chế độ báo cáo: Điều 29 quy định ban hành kèm theo Quyết định số 31/2020/QĐ-UBND ngày 30/11/2020 của UBND Thành phố về việc ban hành quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên của thành phố Hà Nội.

3. Báo cáo tình hình quản lý, sử dụng ngân sách Thành phố ủy thác

3.1. Đối tượng thực hiện báo cáo: Ngân hàng chính sách xã hội các cấp.

3.2. Cơ quan nhận báo cáo: cơ quan Lao động - Thương binh và Xã hội cùng cấp; cơ quan Tài chính cùng cấp.

3.3. Tần suất thực hiện báo cáo: 6 tháng, cả năm.

3.4. Văn bản quy định chế độ báo cáo: Khoản 1 Điều 12 quy định ban hành kèm theo Quyết định số 26/2017/QĐ-UBND ngày 4/8/2017 của UBND Thành phố về việc ban hành Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách Thành phố ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn thành phố Hà Nội.

4. Báo cáo tình hình ủy thác vốn ngân sách và kết quả thực hiện cho vay từ nguồn ngân sách ủy thác

Nội dung 1: Báo cáo tình hình ủy thác vốn ngân sách và kết quả thực hiện cho vay từ nguồn ngân sách ủy thác

4.1. Đối tượng thực hiện báo cáo: UBND cấp huyện.

4.2. Cơ quan nhận báo cáo: Sở Lao động - Thương binh và xã hội, Sở Tài chính.

4.3. Tần suất thực hiện báo cáo: 6 tháng, hằng năm.

4.4. Văn bản quy định chế độ báo cáo: Khoản 2 Điều 12 quy định ban hành kèm theo Quyết định số 26/2017/QĐ-UBND ngày 04/8/2017 của UBND Thành phố về việc ban hành Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách Thành phố ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Nội dung 2: Báo cáo tình hình ủy thác vốn ngân sách và kết quả thực hiện cho vay từ nguồn ngân sách ủy thác

4.1. Đối tượng thực hiện báo cáo: cơ quan Lao động - Thương binh và Xã hội các cấp.

4.2. Cơ quan nhận báo cáo: UBND cùng cấp.

4.3. Tần suất thực hiện báo cáo: 6 tháng, hằng năm.

4.4. Văn bản quy định chế độ báo cáo: Khoản 3 Điều 12 quy định ban hành kèm theo Quyết định số 26/2017/QĐ-UBND ngày 04/8/2017 của UBND Thành phố về việc ban hành Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách Thành phố ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn thành phố Hà Nội.

5. Báo cáo số lãi được

5.1. Đối tượng thực hiện báo cáo: Ngân hàng chính sách xã hội các cấp.

5.2. Cơ quan nhận báo cáo: cơ quan Lao động, Thương binh và Xã hội cùng cấp; cơ quan Tài chính cùng cấp.

5.3. Tần suất thực hiện báo cáo: hằng quý.

5.4. Văn bản quy định chế độ báo cáo: Khoản 1 Điều 12 quy định ban hành kèm theo Quyết định số 26/2017/QĐ-UBND ngày 4/8/2017 của UBND Thành phố về việc ban hành Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách Thành phố ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn thành phố Hà Nội.

VI. Lĩnh vực Công Thương

1. Báo cáo hoạt động phát triển công nghiệp hỗ trợ trên địa bàn Thành phố

1.1. Đối tượng thực hiện báo cáo: Sở Công Thương.

1.2. Cơ quan nhận báo cáo: UBND Thành phố.

1.3. Tần suất thực hiện báo cáo: 6 tháng.

1.4. Văn bản quy định chế độ báo cáo: Điểm e khoản 1 Điều 16 quy định ban hành kèm theo Quyết định số 11/2020/QĐ-UBND ngày 5/6/2020 của UBND Thành phố về việc ban hành Quy chế quản lý kinh phí phát triển công nghiệp hỗ trợ và quy định mức chi cụ thể các hoạt động phát triển công nghiệp hỗ trợ của thành phố Hà Nội.

2. Báo cáo công tác quản lý hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp

Nội dung 01: Báo cáo tình hình quản lý hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp trên địa bàn Thành phố

2.1. Đối tượng thực hiện báo cáo: Cục Quản lý thị trường Thành phố; Công an Thành phố; Cục Thuế Thành phố; Sở Y tế; Sở Ngoại vụ; Sở Thông tin và Truyền thông; Sở Kế hoạch và Đầu tư; Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn; Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Văn hóa và Thể thao; Thanh tra Thành phố; Ngân hàng nhà nước - chi nhánh Thành phố; UBND cấp huyện..

2.2. Cơ quan nhận báo cáo: Sở Công Thương.

2.3. Tần suất thực hiện báo cáo: 6 tháng; hằng năm.

2.4. Văn bản quy định chế độ báo cáo: Quyết định số 27/2019/QĐ-UBND ngày 16/12/2019 của UBND Thành phố về việc ban hành Quy chế phối hợp quản lý hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Nội dung 02: Báo cáo công tác quản lý hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp trên địa bàn Thành phố

2.1. Đối tượng thực hiện báo cáo: Sở Công Thương.

2.2. Cơ quan nhận báo cáo: UBND Thành phố.

2.3. Tần suất thực hiện báo cáo: 6 tháng; hằng năm.

2.4. Văn bản quy định chế độ báo cáo: Quyết định số 27/2019/QĐ-UBND ngày 16/12/2019 của UBND Thành phố về việc ban hành Quy chế phối hợp quản lý hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp trên địa bàn thành phố Hà Nội.

3. Báo cáo hoạt động khuyến công

Nội dung 01: Báo cáo tình hình thực hiện công tác khuyến công và công nghiệp nông thôn trên địa bàn.

3.1. Đối tượng thực hiện báo cáo: UBND cấp huyện.

3.2. Cơ quan nhận báo cáo: Sở Công Thương.

3.3. Tần suất thực hiện báo cáo: hằng quý/năm.

3.4. Văn bản quy định chế độ báo cáo: Khoản 4 Điều 9 quy chế ban hành kèm theo Quyết định số 21/2019/QĐ-UBND ngày 21/10/2019 của UBND Thành phố về việc ban hành Quy chế quản lý kinh phí khuyến công và mức chi cho các hoạt động khuyến công thành phố Hà Nội.

Nội dung 02: Báo cáo hoạt động khuyến công trên địa bàn Thành phố

3.1. Đối tượng thực hiện báo cáo: Sở Công Thương.

3.2. Cơ quan nhận báo cáo: UBND Thành phố.

3.3. Tần suất thực hiện báo cáo: hằng quý/năm.

3.4. Văn bản quy định chế độ báo cáo: Khoản 1 Điều 9 quy chế ban hành kèm theo Quyết định số 21/2019/QĐ-UBND ngày 21/10/2019 của UBND Thành phố về việc ban hành Quy chế quản lý kinh phí khuyến công và mức chi cho các hoạt động khuyến công thành phố Hà Nội.

4. Báo cáo kết quả thực hiện quy định về phát triển và quản lý chợ trên địa bàn

Nội dung 01: Báo cáo kết quả thực hiện quy định về phát triển và quản lý chợ trên địa bàn.

4.1. Đối tượng thực hiện báo cáo: các sở, ngành theo quy định tại Điều 33 quy định ban hành kèm theo Quyết định số 28/2018/QĐ-UBND; UBND cấp huyện.

4.2. Cơ quan nhận báo cáo: Sở Công Thương.

4.3. Tần suất thực hiện báo cáo: hằng năm.

4.4. Văn bản quy định chế độ báo cáo: Khoản 4 Điều 32 quy định kèm theo Quyết định số 28/2018/QĐ-UBND ngày 16/11/2018 của UBND Thành phố về ban hành Quy định về phát triển và quản lý chợ trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Nội dung 02: Báo cáo kết quả thực hiện quy định về phát triển và quản lý chợ trên địa bàn

4.1. Đối tượng thực hiện báo cáo: Sở Công Thương.

4.2. Cơ quan nhận báo cáo: UBND Thành phố.

4.3. Tần suất thực hiện báo cáo: hằng năm.

4.4. Văn bản quy định chế độ báo cáo: Điều 33 quy định ban hành kèm theo Quyết định số 28/2018/QĐ-UBND ngày 16/11/2018 của UBND Thành phố về ban hành Quy định về phát triển và quản lý chợ trên địa bàn thành phố Hà Nội.

5. Báo cáo tình hình triển khai và công tác phối hợp quản lý Văn phòng đại diện, chi nhánh thương nhân nước ngoài hoạt động trong thương mại và thương mại đặc thù

5.1. Đối tượng thực hiện báo cáo: các cơ quan có trách nhiệm quy định trong quy chế ban hành kèm theo Quyết định số 25/2017/QĐ-UBND ngày 27/7/2017 của UBND Thành phố.

5.2. Cơ quan nhận báo cáo: Sở Công Thương.

5.3. Tần suất thực hiện báo cáo: hằng năm.

5.4. Văn bản quy định chế độ báo cáo: Điều 6 quy định ban hành kèm theo Quyết định số 25/2017/QĐ-UBND ngày 27/7/2017 của UBND Thành phố về việc ban hành Quy chế phối hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước của thành phố Hà Nội trong việc quản lý Văn phòng đại diện, Chi nhánh của thương nhân nước ngoài hoạt động trong lĩnh vực thương mại và thương mại đặc thù.

6. Báo cáo tình hình thực hiện quy định xử lý công trình xây dựng vi phạm hành lang bảo vệ an toàn lưới điện cao áp trên địa bàn thành phố

Nội dung 01: Báo cáo tình hình vi phạm, công tác xử lý vi phạm hành lang bảo vệ an toàn lưới điện cao áp trên địa bàn.

6.1. Đối tượng thực hiện báo cáo: UBND cấp huyện.

6.2. Cơ quan nhận báo cáo: Sở Công Thương.

6.3. Tần suất thực hiện báo cáo: hằng quý/năm.

6.4. Văn bản quy định chế độ báo cáo: Khoản 2 Điều 19 quy định ban hành kèm theo Quyết định số 09/2022/QĐ-UBND ngày 3/3/2022 của UBND Thành phố về ban hành quy định quản lý, đảm bảo an toàn điện trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Nội dung 02: Báo cáo tình hình thực hiện quy định xử lý công trình xây dựng vi phạm hành lang bảo vệ an toàn lưới điện cao áp trên địa bàn Thành phố.

6.1. Đối tượng thực hiện báo cáo: Sở Công Thương.

6.2. Cơ quan nhận báo cáo: UBND Thành phố.

6.3. Tần suất thực hiện báo cáo: 6 tháng/hằng năm.

6.4. Văn bản quy định chế độ báo cáo: Khoản 1 Điều 19 quy định ban hành kèm theo Quyết định số 09/2022/QĐ-UBND ngày 3/3/2022 của UBND Thành phố về ban hành quy định quản lý, đảm bảo an toàn điện trên địa bàn thành phố Hà Nội.

7. Báo cáo kết quả thực hiện Quy chế phối hợp quản lý nhà nước đối với hoạt động của các khu công nghiệp, khu công nghệ cao.

7.1. Đối tượng thực hiện báo cáo: các cơ quan quản lý chuyên ngành, UBND cấp huyện có khu công nghiệp khu công nghệ cao.

7.2. Cơ quan nhận báo cáo: UBND Thành phố (qua Ban quản lý các khu công nghiệp và chế xuất).

7.3. Tần suất thực hiện báo cáo: 6 tháng, hằng năm.

7.4. Văn bản quy định chế độ báo cáo: Điều 8, Điều 10 Quy chế ban hành kèm theo Quyết định số 32/2017/QĐ-UBND ngày 28/9/2017 của UBND Thành phố về ban hành Quy chế phối hợp quản lý Nhà nước đối với hoạt động của các khu công nghiệp trên địa bàn Hà Nội.

VII. Lĩnh vực Xây dựng

1. Báo cáo số liệu, cung cấp thông tin nhà chung cư

1.1. Đối tượng thực hiện báo cáo: UBND các quận, huyện, thị xã.

1.2. Cơ quan nhận báo cáo: Sở Xây dựng.

1.3. Tần suất thực hiện báo cáo: hằng quý.

1.4. Văn bản quy định chế độ báo cáo: Khoản 13 Điều 17 quy định ban hành kèm theo Quyết định số 29/2020/QĐ-UBND ngày 25/11/2020 của UBND Thành phố về ban hành Quy định chi tiết một số nội dung thuộc thẩm quyền của UBND Thành phố về quản lý, sử dụng nhà chung cư trên địa bàn thành phố Hà Nội.

2. Báo cáo tình hình mua, bán, cho thuê, cho thuê mua nhà ở xã hội tại các dự án nhà ở xã hội, nhà ở xã hội do người dân tự xây dựng

2.1. Đối tượng thực hiện báo cáo: UBND các quận, huyện, thị xã.

2.2. Cơ quan nhận báo cáo: Sở Xây dựng.

2.3. Tần suất thực hiện báo cáo: hằng quý.

2.4. Văn bản quy định chế độ báo cáo: Điểm e khoản 1 Điều 14 quy định ban hành kèm theo Quyết định số 25/2019/QĐ-UBND ngày 5/11/2019 của UBND Thành phố về ban hành Quy định về quản lý bán, cho thuê, cho thuê mua nhà ở xã hội trên địa bàn thành phố Hà Nội.

3. Báo cáo tình hình quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn định kỳ

Nội dung 01: Báo cáo tình hình quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn

3.1. Đối tượng thực hiện báo cáo: Đội quản lý trật tự xây dựng đô thị.

3.2. Cơ quan nhận báo cáo: UBND cấp huyện trên địa bàn; Thanh tra Sở Xây dựng.

3.3. Tần suất thực hiện báo cáo: hằng tháng/quý/năm.

3.4. Văn bản quy định chế độ báo cáo: Khoản 3 Điều 12 quy định ban hành kèm theo Quyết định số 04/2019/QĐ-UBND ngày 18/3/2019 của UBND Thành phố về ban hành Quy định quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Nội dung 02: Báo cáo tình hình quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn

3.1. Đối tượng thực hiện báo cáo: UBND cấp huyện.

3.2. Cơ quan nhận báo cáo: Sở Xây dựng, UBND Thành phố.

3.3. Tần suất thực hiện báo cáo: hằng tháng/quý/năm.

3.4. Văn bản quy định chế độ báo cáo: Khoản 4 Điều 12 quy định ban hành kèm theo Quyết định số 04/2019/QĐ-UBND ngày 18/3/2019 của UBND Thành phố về ban hành Quy định quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn thành phố Hà Nội.

4. Báo cáo công tác quản lý nghĩa trang

4.1. Đối tượng thực hiện báo cáo: UBND cấp huyện.

4.2. Cơ quan nhận báo cáo: UBND Thành phố (qua Sở Xây dựng).

4.3. Tần suất thực hiện báo cáo: hằng năm.

4.4. Văn bản quy định chế độ báo cáo: Điều 13 quy định ban hành kèm theo Quyết định số 30/2017/QĐ-UBND ngày 11/9/2017 của UBND Thành phố về ban hành Quy định quản lý, sử dụng nghĩa trang trên địa bàn thành phố Hà Nội.

5. Báo cáo công tác quản lý hoạt động thoát nước

5.1. Đối tượng thực hiện báo cáo: UBND cấp huyện.

5.2. Cơ quan nhận báo cáo: Sở Xây dựng.

5.3. Tần suất thực hiện báo cáo: hằng năm.

5.4. Văn bản quy định chế độ báo cáo: Khoản 4 Điều 22 quy định ban hành kèm theo Quyết định số 41/2017/QĐ-UBND ngày 6/12/2017 của UBND Thành phố về Quy định về quản lý hoạt động thoát nước và xử lý nước thải trên địa bàn thành phố Hà Nội.

VIII. Lĩnh vực Quy hoạch - Kiến trúc

1. Báo cáo công tác lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng; công tác quản lý, thực hiện quy chế quản lý kiến trúc và rà soát lập danh mục các công trình kiến trúc có giá trị

1.1. Đối tượng thực hiện báo cáo: UBND cấp huyện.

1.2. Cơ quan nhận báo cáo: Sở Quy hoạch - Kiến trúc.

1.3. Tần suất thực hiện báo cáo: hằng quý.

1.4. Văn bản quy định chế độ báo cáo: Điều 23 quy định ban hành kèm theo Quyết định số 72/2014/QĐ-UBND ngày 17/9/2014 của UBND Thành phố về ban hành Quy định về lập, thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ, đồ án và quản lý theo đồ án quy hoạch đô thị trên địa bàn thành phố Hà Nội.

IX. Lĩnh vực Tài nguyên - Môi trường

1. Báo cáo công tác đấu giá quyền sử dụng đất

1.1. Đối tượng thực hiện báo cáo: UBND cấp huyện.

1.2. Cơ quan nhận báo cáo: UBND Thành phố (Sở Tài nguyên và Môi trường).

1.3. Tần suất thực hiện báo cáo: hằng quý.

1.4. Văn bản quy định chế độ báo cáo: Điểm g khoản 9; điểm đ khoản 2 Điều 19 quy định ban hành kèm theo Quyết định số 27/2020/QĐ-UBND ngày 18/11/2020 của UBND Thành phố ban hành Quy định về đấu giá quyền sử dụng để giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất trên địa bàn thành phố Hà Nội.

2. Báo cáo tình hình quản lý hoạt động khí tượng, thủy văn

2.1. Đối tượng thực hiện báo cáo: UBND cấp xã; UBND cấp huyện; các sở, ban, ngành.

2.2. Cơ quan nhận báo cáo: UBND Thành phố (Sở Tài nguyên và Môi trường).

2.3. Tần suất thực hiện báo cáo: hằng năm.

2.4. Văn bản quy định chế độ báo cáo: Điều 9 quy định ban hành kèm theo Quyết định số 13/2018/QĐ-UBND ngày 24/5/2018 của UBND Thành phố về việc ban hành Quy định quản lý nhà nước về hoạt động Khí tượng thủy văn trên địa bàn thành phố Hà Nội.

3. Báo cáo số liệu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải

Nội dung 01: Báo cáo số liệu về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải của địa phương

3.1. Đối tượng thực hiện báo cáo: Phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện.

3.2. Cơ quan nhận báo cáo: UBND cấp huyện, Sở Tài nguyên và Môi trường.

3.3. Tần suất thực hiện báo cáo: hằng năm.

3.4. Văn bản quy định chế độ báo cáo: Khoản 2 Điều 2 Quyết định số 33/2017/QĐ-UBND ngày 9/10/2017 của UBND Thành phố về việc phân cấp thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Nội dung 02: Báo cáo số liệu về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải của Thành phố.

3.1. Đối tượng thực hiện báo cáo: Sở Tài nguyên và Môi trường.

3.2. Cơ quan nhận báo cáo: UBND Thành phố.

3.3. Tần suất thực hiện báo cáo: hằng năm.

3.4. Văn bản quy định chế độ báo cáo: Khoản 1 Điều 2 Quyết định số 33/2017/QĐ-UBND ngày 9/10/2017 của UBND Thành phố về việc phân cấp thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp trên địa bàn thành phố Hà Nội.

4. Báo cáo về hoạt động ứng phó sự cố tràn dầu

Nội dung 01: Báo cáo tình hình, kết quả thực hiện quy định về lập, thẩm định và phê duyệt Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu của các cảng, cơ sở, dự án trên địa bàn.

4.1. Đối tượng thực hiện báo cáo: UBND cấp huyện.

4.2. Cơ quan nhận báo cáo: UBND Thành phố (Sở Tài nguyên và Môi trường).

4.3. Tần suất thực hiện báo cáo: 6 tháng, hằng năm.

4.4. Văn bản quy định chế độ báo cáo: Quyết định số 22/2017/QĐ-UBND ngày 12/6/2017 của UBND Thành phố ban hành Quy định về lập, thẩm định và phê duyệt Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu của các cảng, cơ sở, dự án trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Nội dung 02: Báo cáo về hoạt động ứng phó sự cố tràn dầu trên địa bàn Thành phố.

4.1. Đối tượng thực hiện báo cáo: Sở Tài nguyên và Môi trường.

4.2. Cơ quan nhận báo cáo: UBND Thành phố.

4.3. Tần suất thực hiện báo cáo: 6 tháng, hằng năm.

4.4. Văn bản quy định chế độ báo cáo: Quyết định số 22/2017/QĐ-UBND ngày 12/6/2017 của UBND Thành phố ban hành Quy định về lập, thẩm định và phê duyệt Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu của các cảng, cơ sở, dự án trên địa bàn thành phố Hà Nội.

5. Báo cáo công tác giải phóng mặt bằng

Nội dung 01: Báo cáo công tác giải phóng mặt bằng trên địa bàn

5.1. Đối tượng thực hiện báo cáo: Bộ phận thường trực của Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư.

5.2. Cơ quan nhận báo cáo: Sở Tài nguyên và Môi trường.

5.3. Tần suất thực hiện báo cáo: hằng tháng/quý/6 tháng/năm.

5.4. Văn bản quy định chế độ báo cáo: Khoản 9 Điều 42 quy định ban hành kèm theo Quyết định số 10/2017/QĐ-UBND ngày 29/3/2017 của UBND Thành phố về ban hành Quy định các nội dung thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Nội dung 02: Báo cáo tình hình thực hiện công tác giải phóng mặt bằng trên địa bàn Thành phố

5.1. Đối tượng thực hiện báo cáo: Sở Tài nguyên và Môi trường.

5.2. Cơ quan nhận báo cáo: UBND Thành phố.

5.3. Tần suất thực hiện báo cáo: hằng tháng/quý/6 tháng/năm.

5.4. Văn bản quy định chế độ báo cáo: Khoản 1 Điều 44 quy định ban hành kèm theo Quyết định số 10/2017/QĐ-UBND ngày 29/3/2017 của UBND Thành phố

về ban hành Quy định các nội dung thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hà Nội.

X. Lĩnh vực Nông nghiệp

1. Báo cáo kết quả thực hiện Quy chế phối hợp trong công tác phòng ngừa, xử lý vi phạm pháp luật về đê điều trên địa bàn thành phố Hà Nội

1.1. Đối tượng thực hiện báo cáo: Điều 2 Quy chế ban hành kèm theo Quyết định số 15/2020/QĐ-UBND ngày 13/8/2020 của UBND Thành phố.

1.2. Cơ quan nhận báo cáo: UBND Thành phố (qua Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn).

1.3. Tần suất thực hiện báo cáo: hằng năm.

1.4. Văn bản quy định chế độ báo cáo: Khoản 3 Điều 11 Quy chế ban hành kèm theo Quyết định số 15/2020/QĐ-UBND ngày 13/8/2020 của UBND Thành phố về ban hành Quy chế phối hợp trong công tác phòng ngừa, xử lý vi phạm pháp luật về đê điều trên địa bàn thành phố Hà Nội.

2. Báo cáo tình hình vi phạm pháp luật về đê điều

2.1. Đối tượng thực hiện báo cáo: Hạt trưởng hạt quản lý đê điều.

2.2. Cơ quan nhận báo cáo: UBND quận, huyện, thị xã; Chi cục Đê điều và phòng chống lụt bão.

2.3. Tần suất thực hiện báo cáo: hằng tháng/quý/năm.

2.4. Văn bản quy định chế độ báo cáo: Điểm b khoản 3 Điều 7 Quy chế ban hành kèm theo Quyết định số 15/2020/QĐ-UBND ngày 13/8/2020 của UBND Thành phố về ban hành Quy chế phối hợp trong công tác phòng ngừa, xử lý vi phạm pháp luật về đê điều trên địa bàn thành phố Hà Nội.

3. Báo cáo tình hình vi phạm và xử lý vi phạm pháp luật về đê điều

3.1. Đối tượng thực hiện báo cáo: Chi cục trưởng Chi cục Đê điều và phòng chống lụt bão.

3.2. Cơ quan nhận báo cáo: Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn.

3.3. Tần suất thực hiện báo cáo: hằng tháng/quý/năm.

3.4. Văn bản quy định chế độ báo cáo: Điểm c khoản 4 Điều 7 Quy chế ban hành kèm theo Quyết định số 15/2020/QĐ-UBND ngày 13/8/2020 của UBND Thành phố về ban hành Quy chế phối hợp trong công tác phòng ngừa, xử lý vi phạm pháp luật về đê điều trên địa bàn thành phố Hà Nội.

4. Báo cáo tình hình vi phạm phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi

4.1. Đối tượng thực hiện báo cáo: Điều 8 Quyết định số 13/2020/QĐ-UBND.

4.2. Cơ quan nhận báo cáo: UBND cấp huyện, Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn.

4.3. Tần suất thực hiện báo cáo: định kỳ.

4.4. Văn bản quy định chế độ báo cáo: Khoản 4 Điều 8; khoản 6 Điều 9 quy định ban hành kèm theo Quyết định số 13/2020/QĐ-UBND ngày 24/6/2020 của UBND Thành phố về ban hành Quy định về bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn thành phố Hà Nội.

5. Báo cáo việc thực hiện phê duyệt hỗ trợ các dự án liên kết, kế hoạch đề nghị hỗ trợ phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp có phạm vi hoạt động theo chuỗi giá trị trên địa bàn 01 huyện và có tổng mức đề nghị hỗ trợ dưới 05 (năm) tỷ đồng

5.1. Đối tượng thực hiện báo cáo: UBND cấp huyện.

5.2. Cơ quan nhận báo cáo: Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn.

5.3. Tần suất thực hiện báo cáo: định kỳ.

5.4. Văn bản quy định chế độ báo cáo: Khoản 2 Điều 2 quy định ban hành kèm theo Quyết định số 13/2019/QĐ-UBND ngày 14/6/2019 của UBND Thành phố về phân cấp phê duyệt hỗ trợ phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn thành phố Hà Nội.

XI. Lĩnh vực Y tế

1. Báo cáo công tác quản lý an toàn thực phẩm trên địa bàn Thành phố

1.1. Đối tượng thực hiện báo cáo: Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Sở Công Thương, Cục Quản lý thị trường Thành phố.

1.2. Cơ quan nhận báo cáo: Thường trực Ban Chỉ đạo công tác an toàn thực phẩm Thành phố (Sở Y tế).

1.3. Tần suất thực hiện báo cáo: định kỳ.

1.4. Văn bản quy định chế độ báo cáo: Điểm b Khoản 1 Điều 4, Khoản 7 Điều 5, Khoản 8 Điều 6, điểm e khoản 1 Điều 9 quy định ban hành kèm theo Quyết định số 28/2022/QĐ-UBND ngày 24/6/2022 của UBND Thành phố về ban hành Quy định phân công, phân cấp quản lý về An toàn thực phẩm trên địa bàn thành phố Hà Nội.

XII. Lĩnh vực Khoa học và Công nghệ

1. Báo cáo các sáng kiến được công nhận

1.1. Đối tượng thực hiện báo cáo: các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện.

1.2. Cơ quan nhận báo cáo: Sở Khoa học và Công nghệ.

1.3. Tần suất thực hiện báo cáo: hằng năm.

1.4. Văn bản quy định chế độ báo cáo: Khoản 1 Điều 16 quy định ban hành kèm theo Quyết định số 19/2018/QĐ-UBND ngày 27/8/2018 của UBND Thành phố về việc ban hành Quy định xét, công nhận sáng kiến cơ sở và xét, tặng Bằng “Sáng kiến Thủ đô”.

XIII. Lĩnh vực Lao động, Thương binh và Xã hội

1. Báo cáo tình hình thực hiện quy chế phối hợp hoạt động giữa các cơ quan trong tuyển dụng và quản lý lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam trên địa bàn Thành phố

Nội dung 01: Báo cáo tổng hợp tình hình lao động là người nước ngoài cư trú, học tập và làm việc trên địa bàn Thành phố

1.1. Đối tượng thực hiện báo cáo: Công an Thành phố.

1.2. Cơ quan nhận báo cáo: UBND Thành phố (đồng thời gửi Sở Lao động, Thương binh và Xã hội để tổng hợp chung).

1.3. Tần suất thực hiện báo cáo: 6 tháng, hằng năm.

1.4. Văn bản quy định chế độ báo cáo: Khoản 7 Điều 7 quy định ban hành kèm theo Quyết định số 22/2019/QĐ-UBND ngày 23/10/2019 của UBND Thành phố về ban hành Quy chế phối hợp hoạt động giữa các cơ quan quản lý nhà nước trong tuyển dụng và quản lý lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Nội dung 02: Báo cáo tình hình xác nhận lý lịch tư pháp cho lao động là người nước ngoài trên địa bàn Thành phố

1.1. Đối tượng thực hiện báo cáo: Sở Tư pháp.

1.2. Cơ quan nhận báo cáo: UBND Thành phố (đồng thời gửi Sở Lao động, Thương binh và Xã hội để tổng hợp chung).

1.3. Tần suất thực hiện báo cáo: 6 tháng, hằng năm.

1.4. Văn bản quy định chế độ báo cáo: Khoản 3 Điều 10 quy định ban hành kèm theo Quyết định số 22/2019/QĐ-UBND ngày 23/10/2019 của UBND Thành phố về ban hành Quy chế phối hợp hoạt động giữa các cơ quan quản lý nhà nước trong tuyển dụng và quản lý lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Nội dung 3: Báo cáo danh sách các cơ sở hành nghề y, được tư nhân có yếu tố nước ngoài

1.1. Đối tượng thực hiện báo cáo: Sở Y tế.

1.2. Cơ quan nhận báo cáo: UBND Thành phố (đồng thời gửi Sở Lao động, Thương binh và Xã hội để tổng hợp chung).

1.3. Tần suất thực hiện báo cáo: 6 tháng, hằng năm.

1.4. Văn bản quy định chế độ báo cáo: Khoản 4 Điều 12 quy định ban hành kèm theo Quyết định số 22/2019/QĐ-UBND ngày 23/10/2019 của UBND Thành phố về ban hành Quy chế phối hợp hoạt động giữa các cơ quan quản lý nhà nước trong tuyển dụng và quản lý lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam trên địa bàn thành phố Hà Nội.

2. Báo cáo tình hình hoạt động quản lý nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng trên địa bàn Thành phố

Nội dung 01: Báo cáo việc tổ chức thực hiện quy chế tại các nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng trên địa bàn

2.1. Đối tượng thực hiện báo cáo: UBND cấp xã nơi quản lý các nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng, nghĩa trang trên địa bàn.

2.2. Cơ quan nhận báo cáo: UBND cấp huyện.

2.3. Tần suất thực hiện báo cáo: hằng năm.

2.4. Văn bản quy định chế độ báo cáo: Điều 19 quy định ban hành kèm theo Quyết định số 31/2016/QĐ-UBND ngày 6/9/2016 của UBND Thành phố ban hành Quy chế quản lý hoạt động nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng thành phố Hà Nội.

Nội dung 02: Báo cáo việc tổ chức thực hiện quy chế tại các nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng trên địa bàn

2.1. Đối tượng thực hiện báo cáo: UBND cấp huyện nơi quản lý các nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng, nghĩa trang trên địa bàn.

2.2. Cơ quan nhận báo cáo: UBND Thành phố (qua Sở Lao động, Thương binh và Xã hội).

2.3. Tần suất thực hiện báo cáo: hằng năm.

2.4. Văn bản quy định chế độ báo cáo: Điều 19 quy định ban hành kèm theo Quyết định số 31/2016/QĐ-UBND ngày 6/9/2016 của UBND Thành phố ban hành Quy chế quản lý hoạt động nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng thành phố Hà Nội.

XIV. Lĩnh vực Văn hóa

1. Báo cáo tình hình thực hiện quy chế quản lý, bảo vệ và phát huy di tích lịch sử - văn hóa và danh lam thắng cảnh

Nội dung 01: Báo cáo tình hình thực hiện quy chế quản lý, bảo vệ và phát huy di tích lịch sử - văn hóa và danh lam thắng cảnh

1.1. Đối tượng thực hiện báo cáo: UBND cấp huyện.

1.2. Cơ quan nhận báo cáo: Sở Văn hóa và Thể thao.

1.3. Tần suất thực hiện báo cáo: hằng năm.

1.4. Văn bản quy định chế độ báo cáo: Điều 21 quy định ban hành kèm theo Quyết định số 48/2016/QĐ-UBND ngày 17/11/2016 của UBND Thành phố về việc ban hành Quy chế quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di tích lịch sử - văn hóa và danh lam thắng cảnh trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Nội dung 02: Báo cáo kết quả thực hiện quy chế quản lý, bảo vệ và phát huy di tích lịch sử - văn hóa và danh lam thắng cảnh

1.1. Đối tượng thực hiện báo cáo: UBND cấp xã; UBND cấp huyện; Sở Văn hóa và Thể thao.

1.2. Cơ quan nhận báo cáo: UBND Thành phố.

1.3. Tần suất thực hiện báo cáo: sơ kết 03 năm.

1.4. Văn bản quy định chế độ báo cáo: Điều 21 quy định ban hành kèm theo Quyết định số 48/2016/QĐ-UBND ngày 17/11/2016 của UBND Thành phố về việc ban hành Quy chế quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di tích lịch sử - văn hóa và danh lam thắng cảnh trên địa bàn thành phố Hà Nội.

2. Báo cáo việc thực hiện quy chế quản lý hoạt động quảng cáo ngoài trời

Nội dung 01: Báo cáo việc quản lý hoạt động quảng cáo ngoài trời trên địa bàn

2.1. Đối tượng thực hiện báo cáo: UBND cấp huyện.

2.2. Cơ quan nhận báo cáo: Sở Văn hóa và Thể thao.

2.3. Tần suất thực hiện báo cáo: 6 tháng, hằng năm.

2.4. Văn bản quy định chế độ báo cáo: Khoản 10 Điều 33 Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 01/2016/QĐ-UBND ngày 20/01/2016 của UBND Thành phố về việc ban hành Quy chế quản lý hoạt động quảng cáo ngoài trời trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Nội dung 02: Báo cáo việc quản lý hoạt động quảng cáo trên địa bàn Thành phố

2.1. Đối tượng thực hiện báo cáo: Sở Văn hóa và Thể thao.

2.2. Cơ quan nhận báo cáo: UBND Thành phố.

2.3. Tần suất thực hiện báo cáo: 6 tháng, hằng năm.

2.4. Văn bản quy định chế độ báo cáo: Khoản 11 Điều 17 Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 01/2016/QĐ-UBND ngày 20/01/2016 của UBND Thành phố về việc ban hành Quy chế quản lý hoạt động quảng cáo ngoài trời trên địa bàn thành phố Hà Nội.

3. Báo cáo việc thực hiện Quy chế quản lý hoạt động trong không gian đi bộ khu vực hồ Hoàn Kiếm và phụ cận.

3.1. Đối tượng thực hiện báo cáo: UBND quận Hoàn Kiếm.

3.2. Cơ quan nhận báo cáo: Chủ tịch UBND Thành phố.

3.3. Tần suất thực hiện báo cáo: 6 tháng, hằng năm.

3.4. Văn bản quy định chế độ báo cáo: Khoản 2 Điều 25 Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 21/2022/QĐ-UBND ngày 17/5/2022 của UBND Thành phố về việc ban hành Quy chế quản lý hoạt động trong không gian đi bộ khu vực hồ Hoàn Kiếm và phụ cận.

XV. Lĩnh vực Thông tin và Truyền thông

1. Báo cáo kết quả thực hiện phát ngôn, cung cấp thông tin cho báo chí

1.1. Đối tượng thực hiện báo cáo: các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện.

1.2. Cơ quan nhận báo cáo: Sở Thông tin và Truyền thông.

1.3. Tần suất thực hiện báo cáo: hằng tháng/quý.

1.4. Văn bản quy định chế độ báo cáo: Điều 10 quy định ban hành kèm theo Quyết định số 21/2018/QĐ-UBND ngày 5/9/2018 của UBND Thành phố về việc ban hành Quy chế phát ngôn và cung cấp thông tin cho báo chí của các cơ quan hành chính nhà nước thành phố Hà Nội.

2. Báo cáo công tác cấp giấy phép xây dựng cột ăng ten

2.1. Đối tượng thực hiện báo cáo: Sở Thông tin và Truyền thông.

2.2. Cơ quan nhận báo cáo: UBND Thành phố.

2.3. Tần suất thực hiện báo cáo: hằng quý/6 tháng/năm.

2.4. Văn bản quy định chế độ báo cáo: Khoản 4 Điều 8 quy định ban hành kèm theo Quyết định số 07/2017/QĐ-UBND ngày 17/3/2017 của UBND Thành phố về việc ban hành Quy định về quản lý, cấp phép xây dựng công trình cột ăng ten thu, phát sóng thông tin di động trên địa bàn thành phố Hà Nội.

3. Báo cáo công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động thông tin quảng cáo trên báo chí, phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử

Nội dung: Báo cáo công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động thông tin quảng cáo trên báo chí, phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử

3.1. Đối tượng thực hiện báo cáo: Sở Thông tin và Truyền thông.

3.2. Cơ quan nhận báo cáo: UBND Thành phố.

3.3. Tần suất thực hiện báo cáo: 6 tháng.

3.4. Văn bản quy định chế độ báo cáo: Khoản 2 Điều 6 quy định ban hành kèm theo Quyết định số 06/2015/QĐ-UBND ngày 8/4/2015 của UBND Thành phố về việc ban hành Quy chế phối hợp quản lý hoạt động thông tin quảng cáo trên báo chí, phát thanh truyền hình và thông tin điện tử trên mạng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân thuộc thẩm quyền quản lý của thành phố Hà Nội.

4. Báo cáo công tác quản lý các điểm truy cập internet công cộng và điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng

4.1. Đối tượng thực hiện báo cáo: Sở Thông tin và Truyền thông.

4.2. Cơ quan nhận báo cáo: UBND Thành phố.

4.3. Tần suất thực hiện báo cáo: hằng năm.

4.4. Văn bản quy định chế độ báo cáo: Khoản 5 Điều 9 quy định ban hành kèm theo Quyết định số 73/2014/QĐ-UBND ngày 26/9/2014 của UBND Thành phố về việc ban hành Quy định quản lý điểm truy cập Internet công cộng và điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng trên địa bàn thành phố Hà Nội.

5. Báo cáo kết quả hoạt động thông tin đối ngoại

Nội dung 01: Báo cáo kết quả hoạt động thông tin đối ngoại theo phạm vi quản lý

5.1. Đối tượng thực hiện báo cáo: giám đốc các sở, thủ trưởng ban, ngành; Chủ tịch UBND cấp huyện.

5.2. Cơ quan nhận báo cáo: Sở Thông tin và Truyền thông.

5.3. Tần suất thực hiện báo cáo: 6 tháng.

5.4. Văn bản quy định chế độ báo cáo: Khoản 3 Điều 28 quy định ban hành kèm theo Quyết định số 16/2020/QĐ-UBND ngày 17/8/2020 của UBND Thành phố về việc ban hành Quy chế quản lý hoạt động thông tin đối ngoại của thành phố Hà Nội.

Nội dung 02: Báo cáo kết quả hoạt động thông tin đối ngoại của Thành phố

5.1. Đối tượng thực hiện báo cáo: Sở Thông tin và Truyền thông.

5.2. Cơ quan nhận báo cáo: UBND Thành phố.

5.3. Tần suất thực hiện báo cáo: hằng năm.

5.4. Văn bản quy định chế độ báo cáo: Điều 15 quy định ban hành kèm theo Quyết định số 16/2020/QĐ-UBND ngày 17/8/2020 của UBND Thành phố về việc ban hành Quy chế quản lý hoạt động thông tin đối ngoại của thành phố Hà Nội.

6. Báo cáo hoạt động của Trung tâm dữ liệu Nhà nước

6.1. Đối tượng thực hiện báo cáo: Sở Thông tin và Truyền thông.

6.2. Cơ quan nhận báo cáo: UBND Thành phố.

6.3. Tần suất thực hiện báo cáo: định kỳ.

6.4. Văn bản quy định chế độ báo cáo: Khoản 5 Điều 23 quy định ban hành kèm theo Quyết định số 05/2015/QĐ-UBND ngày 25/3/2015 của UBND Thành phố về việc ban hành Quy định quản lý, khai thác sử dụng hạ tầng dùng chung và các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu phần mềm dùng chung của Thành phố đặt tại Trung tâm Dữ liệu nhà nước thành phố Hà Nội.

XVI. Lĩnh vực Ngoại vụ

1. Báo cáo kết quả hoạt động đối ngoại và phương hướng, nhiệm vụ kỳ kế tiếp

1.1. Đối tượng thực hiện báo cáo: các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện; Sở Tài chính.

1.2. Cơ quan nhận báo cáo: Sở Ngoại vụ.

1.3. Tần suất thực hiện báo cáo: 6 tháng; hằng năm.

1.4. Văn bản quy định chế độ báo cáo: Điều 18 quy định ban hành kèm theo Quy chế số 06-QC/TU ngày 11/8/2022 của Thành ủy Hà Nội về việc ban hành Quy chế lãnh đạo, chỉ đạo và quản lý thống nhất các hoạt động đối ngoại của thành phố Hà Nội.

PHẦN II. BÁO CÁO CỦA CÁC TỔ CHỨC, CÁ NHÂN GỬI CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC

I. Lĩnh vực Nội chính

1. Báo cáo kết quả thực hiện quy chế tiếp nhận, xử lý, phát hành và quản lý văn bản điện tử giữa các cơ quan, tổ chức thuộc thành phố Hà Nội

1.1. Đối tượng thực hiện báo cáo:

- Cơ quan, tổ chức nhà nước và doanh nghiệp nhà nước thuộc thành phố Hà Nội.
- Tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp và các cơ quan, tổ chức không thuộc cơ quan, tổ chức nhà nước và doanh nghiệp nhà nước thuộc thành phố Hà Nội.

1.2. Cơ quan nhận báo cáo: UBND Thành phố (qua Sở Nội vụ).

1.3. Tần suất thực hiện báo cáo: hằng năm.

1.4. Văn bản quy định chế độ báo cáo: Khoản 9 Điều 29 Quyết định số 12/2020/QĐ-UBND ngày 12/6/2021 của UBND Thành phố về việc ban hành Quy chế tiếp nhận, xử lý, phát hành và quản lý văn bản điện tử giữa các cơ quan, tổ chức thuộc thành phố Hà Nội.

II. Lĩnh vực Tài nguyên - Môi trường

1. Báo cáo tình hình quản lý hoạt động khí tượng, thủy văn

1.1. Đối tượng thực hiện báo cáo: các đơn vị đang khai thác, sử dụng công trình khí tượng, thủy văn.

1.2. Cơ quan nhận báo cáo: UBND Thành phố (Sở Tài nguyên và Môi trường).

1.3. Tần suất thực hiện báo cáo: hằng năm.

1.4. Văn bản quy định chế độ báo cáo: Điều 9 quy định ban hành kèm theo Quyết định số 13/2018/QĐ-UBND ngày 24/5/2018 của UBND Thành phố về việc ban hành Quy định quản lý nhà nước về hoạt động Khí tượng thủy văn trên địa bàn thành phố Hà Nội.

III. Lĩnh vực Khoa học và Công nghệ

1. Báo cáo các sáng kiến được công nhận

1.1. Đối tượng thực hiện báo cáo: đoàn thể; các cơ sở công nhận sáng kiến.

1.2. Cơ quan nhận báo cáo: Sở Khoa học và Công nghệ.

1.3. Tần suất thực hiện báo cáo: hằng năm.

1.4. Văn bản quy định chế độ báo cáo: Khoản 1 Điều 16 quy định ban hành kèm theo Quyết định số 25/2022/QĐ-UBND ngày 13/6/2022 của UBND Thành phố về việc ban hành Quy định xét, công nhận sáng kiến cơ sở và xét, tặng Bằng “Sáng kiến Thủ đô”.

2. Báo cáo việc thực hiện hoạt động tư vấn, phản biện, giám định xã hội

2.1. Đối tượng thực hiện báo cáo: Liên hiệp Hội Thành phố.

2.2. Cơ quan nhận báo cáo: UBND Thành phố.

2.3. Tần suất thực hiện báo cáo: hằng năm.

2.4. Văn bản quy định chế độ báo cáo: Khoản 1 Điều 9 quy định ban hành kèm theo Quyết định số 25/2022/QĐ-UBND ngày 13/6/2022 của UBND Thành phố về việc ban hành Quyết định quy định hoạt động tư vấn, phản biện, giám định xã hội của Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật thành phố Hà Nội.

IV. Lĩnh vực Nông nghiệp

1. Báo cáo kết quả thực hiện Quy chế phối hợp trong công tác phòng ngừa, xử lý vi phạm pháp luật về đề điều trên địa bàn thành phố Hà Nội

1.1. Đối tượng thực hiện báo cáo: Điều 2 Quy chế ban hành kèm theo Quyết định số 15/2020/QĐ-UBND ngày 13/8/2020 của UBND Thành phố (các tổ chức, cá nhân có hoạt động liên quan đến đề điều trên địa bàn thành phố Hà Nội).

1.2. Cơ quan nhận báo cáo: UBND Thành phố (qua Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn).

1.3. Tần suất thực hiện báo cáo: hằng năm.

1.4. Văn bản quy định chế độ báo cáo: Khoản 3 Điều 11 Quy chế ban hành kèm theo Quyết định số 15/2020/QĐ-UBND ngày 13/8/2020 của UBND Thành phố về ban hành Quy chế phối hợp trong công tác phòng ngừa, xử lý vi phạm pháp luật về đề điều trên địa bàn thành phố Hà Nội.

V. Lĩnh vực Lao động, Thương binh và Xã hội

1. Báo cáo tình hình hoạt động quản lý nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng trên địa bàn Thành phố

Nội dung: Báo cáo tình hình hoạt động quản lý nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng trên địa bàn

1.1. Đối tượng thực hiện báo cáo: Nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng.

1.2. Cơ quan nhận báo cáo: UBND cấp xã trên địa bàn.

1.3. Tần suất thực hiện báo cáo: hằng năm.

1.4. Văn bản quy định chế độ báo cáo: Điều 19 quy định ban hành kèm theo Quyết định số 31/2016/QĐ-UBND ngày 6/9/2016 của UBND Thành phố ban hành Quy chế quản lý hoạt động nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng thành phố Hà Nội.

VI. Lĩnh vực Thông tin và Truyền thông.

1. Báo cáo công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động thông tin quảng cáo trên báo chí, phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử

Nội dung: Báo cáo việc thực hiện đăng, phát, thông tin quảng cáo trên phương tiện thông tin của đơn vị

1.1. Đối tượng thực hiện báo cáo: Đài phát thanh và truyền hình; các cơ quan báo chí của Thành phố, mạng xã hội, trang thông tin điện tử thuộc thẩm quyền quản lý của Thành phố.

1.2. Cơ quan nhận báo cáo: Sở Thông tin và Truyền thông.

1.3. Tần suất thực hiện báo cáo: 6 tháng.

1.4. Văn bản quy định chế độ báo cáo: Khoản 1 Điều 6 quy định ban hành kèm theo Quyết định số 06/2015/QĐ-UBND ngày 8/4/2015 của UBND Thành phố về việc ban hành Quy chế phối hợp quản lý hoạt động thông tin quảng cáo trên báo chí, phát thanh truyền hình và thông tin điện tử trên mạng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân thuộc thẩm quyền quản lý của thành phố Hà Nội.

Phụ lục 2**BIỂU MẪU BÁO CÁO**

(kèm theo Quyết định số 4884/QĐ-UBND ngày 07 tháng 12 năm 2022 của UBND Thành phố công bố danh mục báo cáo định kỳ trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội).

MẪU BC01**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SÁNG KIẾN CỦA CƠ SỞ****CƠ QUAN/ĐƠN VỊ: CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày tháng năm

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SÁNG KIẾN GIAI ĐOẠN**TỪ..... ĐẾN..... CỦA****Kính gửi: Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Hà Nội****I. Công nhận sáng kiến:**

1. Lĩnh vực hoạt động của Cơ quan/Đơn vị:
2. Tổng số giải pháp được đề nghị công nhận sáng kiến:
3. Tổng số sáng kiến được công nhận:
4. Biểu tổng hợp:

STT	Họ và tên tác giả	Tên sáng kiến	Mô tả tóm tắt bản chất của sáng kiến	Lợi ích kinh tế-xã hội có thể thu được do áp dụng sáng kiến

II. Áp dụng, chuyển giao sáng kiến:

1. Áp dụng sáng kiến:
 - Tổng số sáng kiến đang được áp dụng:
 - Tổng mức đầu tư của Nhà nước:
 - Tổng số tiền làm lợi của các sáng kiến đang được áp dụng:
 - Tổng số tiền trả thù lao cho tác giả sáng kiến:
 - Biểu tổng hợp:

STT	Họ và tên tác giả	Tên sáng kiến	Mức đầu tư của Nhà nước để tạo ra sáng kiến	Hiệu quả áp dụng (Tiền làm lợi và các lợi ích khác)	Thù lao trả cho tác giả

2. Chuyển giao sáng kiến:

- Tổng số sáng kiến được chuyển giao:
- Tổng số tiền thu từ chuyển giao sáng kiến:
- Biểu tổng hợp:

STT	Họ và tên tác giả	Tên sáng kiến	Giá chuyển giao	Số lần chuyển giao	Thù lao trả cho tác giả

III. Hủy bỏ việc công nhận sáng kiến:

STT	Họ và tên tác giả.	Tên sáng kiến	Lý do hủy bỏ

IV. Các biện pháp khuyến khích:

1. Nâng lương, nâng bậc trước thời hạn:

- Tổng số cán bộ được nâng lương trước thời hạn do có sáng kiến được công nhận:
- Biểu tổng hợp:

STT	Họ và tên tác giả	Tên sáng kiến	Tình trạng áp dụng (Đang áp dụng/Áp dụng thử)

2. Ưu tiên cấp kinh phí nghiên cứu phát triển và hoàn thiện, áp dụng sáng kiến:

- Tổng số sáng kiến được cấp kinh phí nghiên cứu phát triển và hoàn thiện, áp dụng sáng kiến:
- Biểu tổng hợp:

STT	Họ và tên tác giả	Tên sáng kiến	Kinh phí hỗ trợ của tư nhân (nếu có)	Kinh phí hỗ trợ của Nhà nước (nếu có)	Dự kiến kết quả (khả năng mang lại lợi ích của sáng kiến)

Nơi nhận:

Chữ ký, họ tên của Thủ trưởng Cơ quan/Đơn vị
(Ghi rõ chức vụ và đóng dấu nếu có)

MẪU BC02

UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ
MÔI TRƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../.....

BÁO CÁO TÌNH HÌNH NỘP PHÍ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI NƯỚC THẢI

Năm

Kính gửi: - Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội.

Sở Tài nguyên và Môi trường báo cáo tình hình thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải trên địa bàn thành phố Hà Nội như sau:

1. Số phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt do đơn vị cấp nước sạch thu:

TT	Tên đơn vị cấp nước sạch thu và nộp phí	Số phí phải nộp	Số phí quyết toán	Ghi chú
1	Đơn vị cấp nước sạch A			
2	Đơn vị cấp nước sạch B			
...	...			
	Tổng			

2. Số phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt do UBND xã, phường, thị trấn thu:

TT	Tên quận/huyện	Số xã, phường, thị trấn thu phí	Số phí phải nộp	Số phí quyết toán	Ghi chú
1	Quận/huyện X				
2	Quận/huyện Y				
...	...				
	Tổng				

3. Số phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp:

TT	Tên cơ sở sản xuất, cơ sở chế biến	Lĩnh vực sản xuất, chế biến	Số phí phải nộp được thông báo					Số phí quyết toán	Ghi chú
			Số phí phải nộp theo năm	Số phí phải nộp hàng quý				Tổng số phí phải nộp trong cả năm	
				Q1	Q2	Q3	Q4		
				(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	
								(6) = (1+2+3+4+5)	
1	Doanh nghiệp A								
2	Công ty B								
...									
	Tổng								

4. Các khó khăn, vướng mắc và đề xuất:

.....

.....

.....

Hà Nội, ngày..... tháng.....năm.....

GIÁM ĐỐC

(Ký tên, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

MẪU BC 03

UBND
QUẬN/HUYỆN/THỊ XÃ
PHÒNG TÀI NGUYÊN
VÀ
MÔI TRƯỜNG

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../.....

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH NỘP PHÍ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI
NƯỚC THẢI**

Năm.....

Kính gửi: Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.

1. Số phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt do UBND xã, phường, thị trấn thu được trên địa bàn trong nămnhư sau:

TT	Tên xã, phường, thị trấn	Số phí phải nộp	Số phí quyết toán	Ghi chú
1	Xã/Phường/Thị trấn X			
2	Xã/Phường/Thị trấn Y			
....				
	Tổng			

Số tiền phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt đã nộp vào ngân sách nhà nước (viết bằng chữ):

.....

2. Số phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp thu được trên địa bàn trong năm như sau:

TT	Tên cơ sở sản xuất, cơ sở chế biến	Số phí phải nộp được thông báo	Số phí quyết toán	Ghi chú
1				
2				
....				
Tổng				

3. Các khó khăn, vướng mắc và đề xuất:

.....

..... /.

....., ngày tháng năm

**Phòng Tài nguyên và Môi trường
quận/huyện.....**

(Ký tên, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

